

Số: 1551 /QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 26 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, TĐC Dự án: Nâng cấp tuyến đường từ ngã năm Cư Nhà La đến khu đội 5 giao với đại lộ Lê Lợi

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

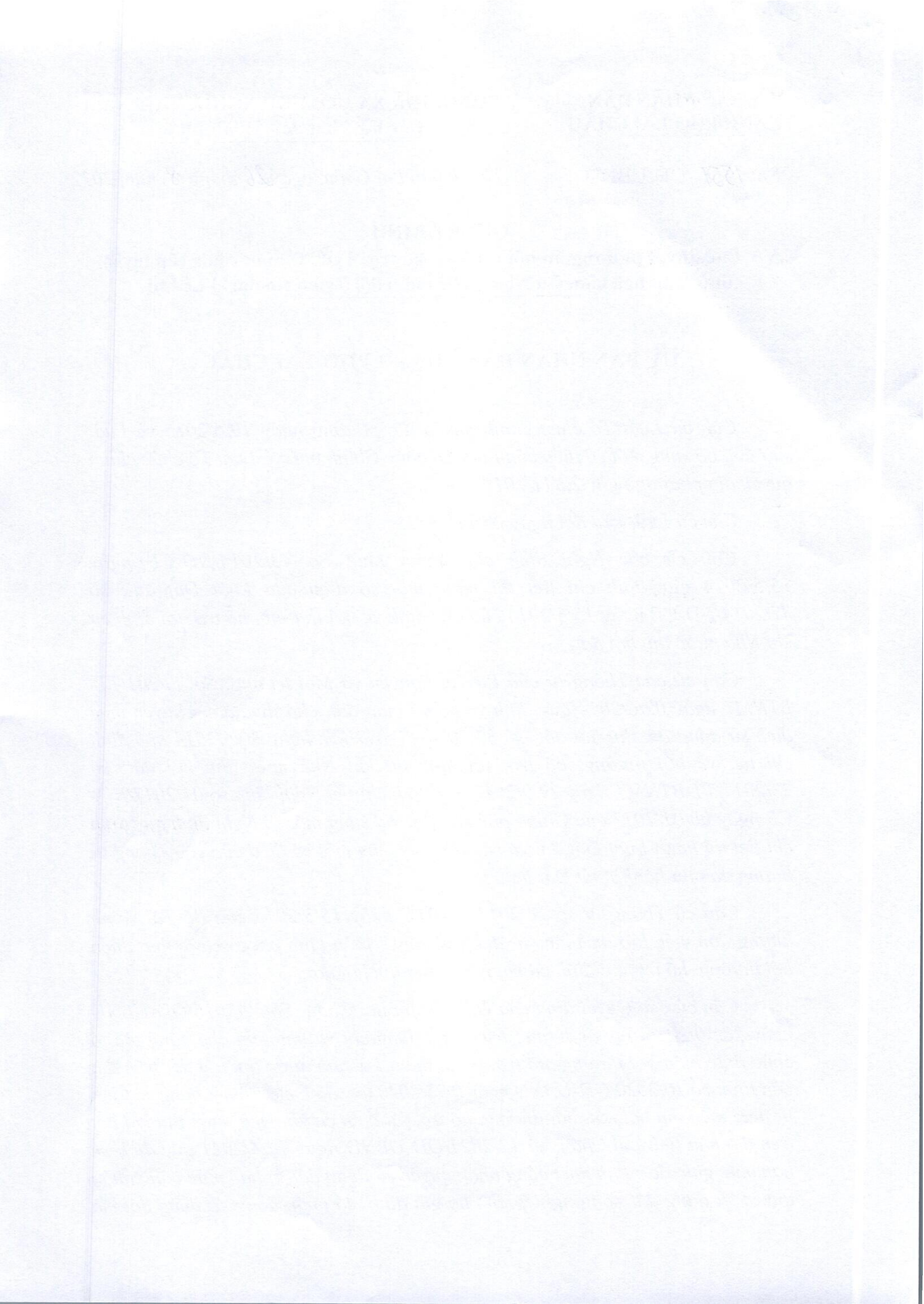
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 30/201/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Lai Châu: Số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 12/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 quy định về hạn mức giao đất; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà



không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; diện tích, kích thước tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1797/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp tuyến đường từ ngã năm Cur Nhà La đến khu đội 5 giao với Đại lộ Lê Lợi;

Căn cứ Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của UBND thành phố Lai Châu V/v Ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Nâng cấp tuyến đường từ ngã năm Cur Nhà La đến khu đội 5 giao với Đại lộ Lê Lợi;

Căn cứ Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của UBND thành phố Lai Châu về phê duyệt kế hoạch giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất cho 02 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 640/TTr-TNMT ngày 16/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Nâng cấp tuyến đường từ ngã năm Cur Nhà La đến khu đội 5 giao với Đại lộ Lê Lợi, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ chủ đầu tư phải chi trả là: **95.192.300 đồng.**

(Bằng chữ: Chín mươi năm triệu một trăm chín mươi hai nghìn ba trăm đồng).

Trong đó:

- Chi trả cho chủ sở hữu:	95.192.300 đồng.
+ Về đất:	14.297.400 đồng
+ Về tài sản vật kiến trúc:	74.152.700 đồng
+ Về cây cối, hoa màu:	1.800.000 đồng
+ Về chính sách hỗ trợ	4.492.200 đồng

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.

- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 24 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất; Giám đốc Ban Quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND xã Sùng Phài; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

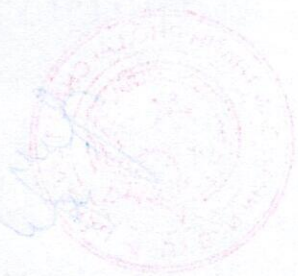
Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (thay b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêng



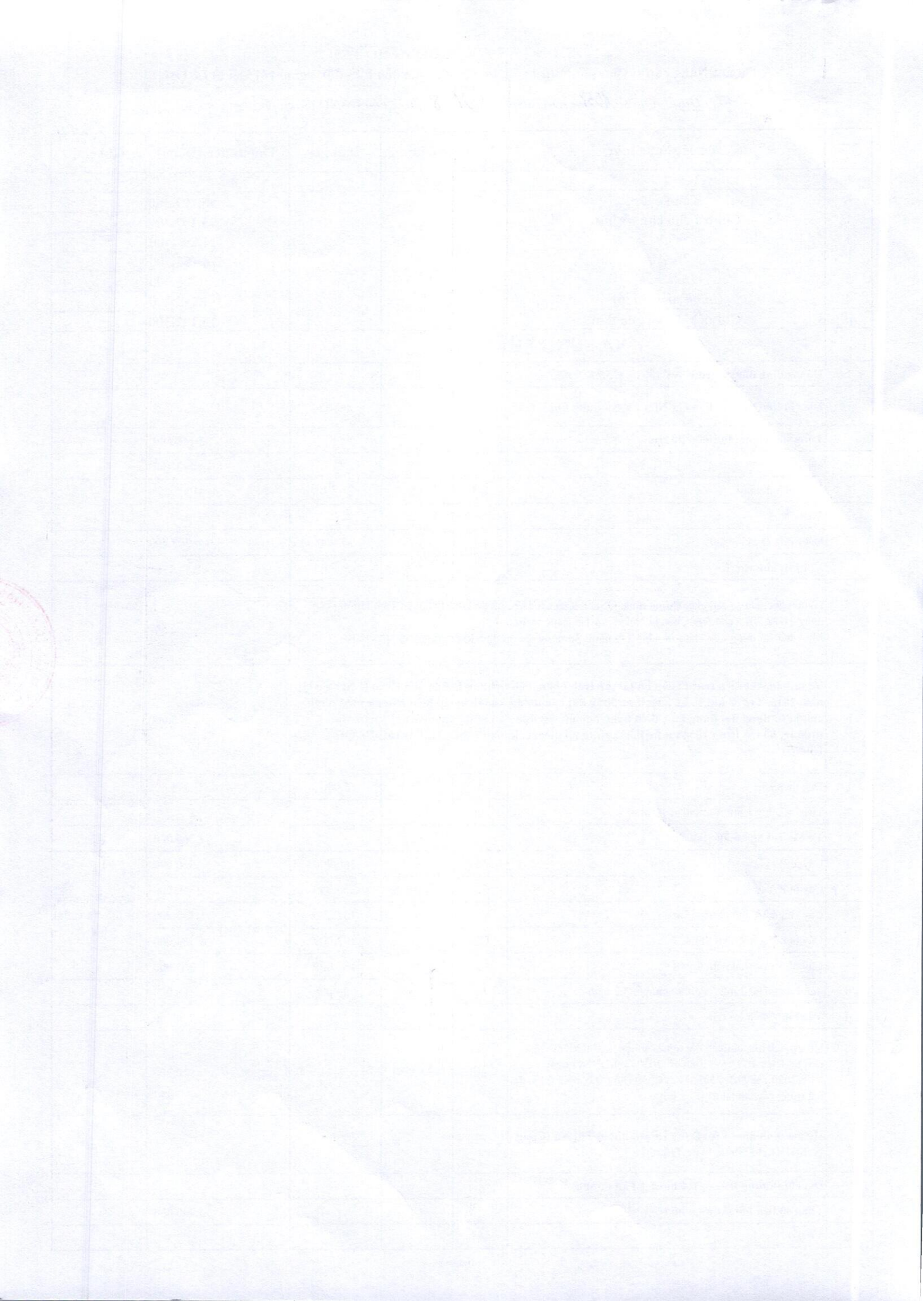
PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ

Dự án: Nâng cấp tuyến đường từ ngã năm Cư Nhà La đến khu đội 5 giao với Đại lộ Lê Lợi

(Kèm Quyết định số: 1551/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
I	2	3	4	5	6=4*5	
A	Tổng cộng				95.192.300	
I	Chi trả cho chủ sở hữu				95.192.300	
1	Đất				14.297.400	
2	Tài sản				74.152.700	
3	Hoa màu				1.800.000	
4	Chính sách hỗ trợ				4.942.200	
B	Chi tiết cho các hộ dân				95.192.300	
XÃ SÙNG PHÀI						
1	Hộ gia đình ông: Chèo U Nãi (0825.475.222)					
	Địa chỉ thường trú: bản Cư Nhà La- xã Sùng Phài					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.				3.148.600	
a	Về đất				303.400	
1	Diện tích thu hồi	m ²	8,2			
2	Loại đất:					
2,1	Đất trồng cây lâu năm	m ²	8,2	37.000	303.400	
	Vị trí: 1, khu vực 1					
	Nguồn gốc: Được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CS 142 362 do UBND huyện Tam Đường cấp ngày 31/12/2019 cho ông Chèo U Nãi và và Tân Moông Ván. Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm. Sử dụng đất ổn định không tranh chấp.					
b	Về tài sản, vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản trên phần diện tích thu hồi do ông Chèo U Nãi tạo lập năm 2016. Trước khi có kế hoạch sử dụng đất của dự án không bị lập biên bản xử phạt hành chính, sử dụng đất đúng mục đích nông nghiệp. Sử dụng ổn định, không tranh chấp. Bồi thường, hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường tại điểm c, khoản 7 điều 21, QĐ 16/2020/QĐ-UBND)					375.000
1	Dây thép gai	m	75	5.000	375.000	
2	Thép V3 dày 1,5mm (mỗi cái 1,5m)	m	12		0	
c	Về cây cối hoa màu				1.560.000	
1	Cây lê R=1-2	Cây	1	360.000	360.000	cây ảnh hưởng đọc theo ranh thu hồi
2	Cây ổi R 1-2	Cây	1	360.000	360.000	
3	Cây chanh trồng hạt năm thứ 3	Cây	1	132.000	132.000	
4	Cây ổi trồng hạt năm thứ 4	Cây	2	192.000	384.000	
5	Cây đào trồng hạt năm thứ 3	Cây	2	132.000	264.000	
6	Sản lượng chè 2 m2 * 25 tấn/ha/năm * 2 năm	kg	10	6.000	60.000	
d	Về chính sách hỗ trợ				910.200	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm)	m ²	8,2	111.000	910.200	
2	Hộ gia đình ông: Lưu Đặng Lượn, Phạm Thị Nụ (Công ty THHH chè Shan Trúc Thanh)					
	Địa chỉ thường trú: tổ 1, Phường Tân Phong					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.				73.440.000	
a	Về đất				-	





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=4*5	
1	Diện tích thu hồi	m ²	73,9			
2	Loại đất:					
2,1	Đất đất cơ sở sản xuất kinh doanh	m ²	73,9			Không bồi thường về đất theo điều 75 Luật đất đai năm 2013
	Vị trí: 1, khu vực 1					
	<p>Nguồn gốc: Được Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Lai Châu hợp đồng cho thuê đất số 84/HĐ-TĐ, ngày 04/3/2009 Hợp đồng thuê đất xây dựng trụ sở xưởng sản xuất chè và các hạng mục phụ trợ công ty TNHH chè Shan Trúc Thanh (bà Phạm Thị Nụ - Chức vụ: Giám đốc). Thời hạn thuê đất 50 năm, kể từ ngày 07/10/2008 đến ngày 07/10/2058.</p> <p>Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh. Gia đình sử dụng đất ổn định không tranh chấp</p>					
b	Tài sản, vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản trên phần diện tích thu hồi do bà Phạm Thị Nụ tạo lập năm 2009. Trước khi có kế hoạch sử dụng đất của dự án không bị lập biên bản xử phạt hành chính, sử dụng đúng mục đích. Sử dụng ổn định không tranh chấp. Bồi thường, hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường tại điểm c, khoản 7 điều 21, QĐ 16/2020/QĐ-UBND)					73.440.000
1	Nhà khung cột thép, mái lợp tôn màu đường kính cột 110, cao 5,5 m (41*1,8)	m ²	73,8	442.200	32.634.360	
2	Rãnh thoát nước ngoài nhà xây gạch nắp bê tông, trát hoàn chỉnh	m	40,0	158.400	6.336.000	
3	Tường xây gạch bi tường 12 (35*2)	m ²	70,0	127.500	8.925.000	
4	Cân trọng tải rộng 3m (4,1*6)	m ²	24,6			0 Đang lập dự toán
5	Sân bê tông đá dăm dày 15cm (41*1,8) (tính bằng 1,5 lần đơn giá sân BT đá dăm dày 10 cm)	m ²	73,8	125.400	9.254.520	
	Tài sản ảnh hưởng không sử dụng được					
1	Nhà khung cột thép, mái lợp tôn màu đường kính cột 110, cao 5,5 m (41*0,7)	m ²	28,7	442.200	12.691.140	
2	Sân bê tông đá dăm dày 15cm (41*0,7) (tính bằng 1,5 lần đơn giá sân BT đá dăm dày 10 cm)	m ²	28,7	125.400	3.598.980	
	Tài sản do gia đình tạo lập trên đất đường, cải tạo lại đường để thực hiện sản xuất					
1	Sân bê tông đá dăm dày 17cm (50*4,0) (tính bằng 1,7 lần đơn giá sân BT đá dăm dày 10 cm)	m ²	200,0	142.120		Tài sản xây dựng trên đất công cộng không bồi thường
3	Hộ gia đình ông: Sùng A Chô					
	Địa chỉ thường trú: bản Cư Nhà La - xã Sùng Phái					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.					18.603.700
a	Về đất					13.994.000
1	Diện tích thu hồi	m ²	61,4			
2	Loại đất:					
2,1	Đất ở nông thôn	m ²	23,0	550.000	12.650.000	
2,2	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		38,4	35.000	1.344.000	

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú	
1	2	3	4	5	6=4*5		
	Vị trí: 1, khu vực 1						
	<p>Nguồn gốc: Được cấp giấy chứng nhận QSD đất số BQ 261947 do UBND huyện Tam đường cấp ngày 05/8/2016 cho ông Sùng A Chô và bà Hàng Thị Sua.</p> <p>Mục đích sử dụng đất: Đất ở và đất trồng cây hàng năm khác. Gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.</p>						
b	Về tài sản, vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản trên phần diện tích thu hồi do ông Sùng A Chô tạo lập năm 2018. Trước khi có kế hoạch sử dụng đất của dự án không bị lập biên bản xử phạt hành chính, sử dụng đất đúng mục đích nông nghiệp. Sử dụng ổn định, không tranh chấp. Bồi thường, hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường tại điểm c, khoản 7 điều 21, QĐ 16/2020/QĐ-UBND)				337.700		
1	Đào san đất bằng máy trong phạm vi 50 m (0,5*61,4 m2)	m ²	30,7	11.000	337.700		
c	Về cây cối hoa màu					240.000	
1	Hàng rào cọc tre	m	40,0	6.000	240.000		
d	Về chính sách hỗ trợ					4.032.000	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây hàng năm)	m ²	38,4	105.000	4.032.000		



